TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS -ST
Ngày: 27 - 5 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Trần Hoàng Trọng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1953; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Lộc, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Tr, sinh năm: 1966; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa A, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2019, quá trính giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Bà Võ Thị T trình bày:

Vào năm 2013 bà có tham gia chơi hụi do Bà Trần Thị Tr làm chủ, cụ thể như sau:

Hụi mùa 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), áp vào ngày 20/4/2013 (al), mỗi năm khui hụi ba lần sau khi thu hoạch lúa. Dây hụi này có 21 hụi viên, bà tham gia chơi một chân, trong quá trình tham gia chơi hụi bà đã đóng hụi sống cho bà Trđầy

đủ, đến khi khui hụi lần thứ 14 thì bà Trbể hụi và úp lại đến nay không khui nữa. Bà đã đóng hụi sống cho bà Trđược 14 lần x 5.000.000 đồng/lần = 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)

Bà có gặp bà Trnhiều lần để yêu cầu bà Trphải trả tiền hụi lại cho bà nhưng bà Trcứ hẹn lần lựa đến nay. Bà có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại biên bản hòa giải vào ngày 21/12/2018 bà Trthừa nhận có nợ bà số tiền hụi là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và xin trả dần theo từng vụ lúa nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Do thấy hoàn cảnh bà Trkhó khăn, nay bà Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Trphải trả cho bà số tiền hụi của 14 lần hụi sống, bình quân mỗi lần bà đóng 3.000.000 đồng, tổng cộng là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 13/01/2020, biên bản hòa giải ngày 19/02/2020 bị đơn Bà Trần Thị Tr trình bày:

Bà Trthừa nhận vào năm 2013 bà có làm tổ trưởng góp vốn xoay vòng, hình thức góp theo mùa, bà Tcó tham gia chơi một chân hụi mùa gồm có 21 hụi viên, số tiền hụi là 5.000.000 đồng. Bà Tđóng hụi sống được 14 lần vối tổng số tiền là 28.190.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Sau khi khui hụi ngày 20/7/2017 âm lịch do những hụi viên khác không đóng lại hụi chết bà không có khả năng đóng thế nên đã úp hụi đến nay không khui nữa.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2018 bà thừa nhận có nợ bà Tsố tiền hụi là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và xin trả dần theo từng vụ lúa vì đợi những hụi viên khác đóng lại hụi chết bà sẽ trả cho bà Tiệp. Nhưng đến nay các hụi viên khác không đóng hụi chết nên bà không có khả năng trả cho bà Tsố tiền như đã hứa.

Nay bà Tyêu cầu bà trả số tiền hụi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) thì bà không đồng ý, bà đồng ý trả cho bà Tsố tiền gốc bà Tđã đóng hụi sống là 28.190.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) vào tháng 6/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị Tr trả số tiền nợ hụi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Trcó nơi cư trú tại ấp Hòa A, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Giao dịch dân sự giữa các đương sự được xác lập từ năm 2013 tuy nhiên giao dịch này vẫn đang thực hiện đến năm 2017 (âm lịch), có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 thì các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 được áp dụng để giải quyết tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đều hợp lệ cho bà Trang, nhưng bà Trđều cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tiệp, bà Trđều xác nhận và thống nhất hai bên có tham gia chơi hụi mùa 5.000.000 đồng, bà Trlàm chủ hụi, chân hụi có 21 hụi viên, mỗi năm khui hụi 03 lần sau khi thu hoạch lúa. Ngày bắt đầu khui hụi lần đầu tiên là ngày 20/4/2013 âm lịch. Bà Tđóng hụi sống cho bà Trđược 14 lần, sau đó thì bà Trúp hụi đến nay không tiếp tục khui nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tvà bà Trthống nhất được với nhau về việc tham gia chơi hụi của bà Tcũng như số lần đóng hụi nhưng không thống nhất được số tiền đã đóng. Cụ thể bà Tcho rằng bà đã đóng hụi sống cho bà Trđược 14 lần với số tiền bình quân mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Còn bà Trthì cho rằng bà Tđã đóng được 14 lần hụi sống với số tiền là 28.190.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)

Nay bà Tcho rằng do thấy hoàn cảnh của bà Trkhó khăn nên chỉ yêu cầu bà Trtrả số tiền hụi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Xét yêu cầu này của bà Tlà có có cơ sở chấp nhận – Bởi lẽ tại biên bản hòa giải địa phương vào ngày 21/12/2018 bà Trthừa nhận có nợ bà Tsố tiền hụi là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và xin trả dần theo từng vụ lúa, từ đó xác định được bà Trđã chấp nhận và đồng ý trả lại số tiền hụi có lãi cho bà Tnhư khi bà Tđược hốt hụi cuối cùng. Mặc khác, trong quá trình tham gia chơi hụi, sau mỗi lần khui hụi và khi các hụi viên được hốt hụi bà Trđều có thu tiền huê hồng. Do đó khi các hụi viên còn lại chưa được hốt hụi thì đến khi mãn hụi và được hốt hụi cuối cùng thì bà Trcũng phải giao đủ số tiền hụi cho hụi viên, cũng như bà Tnếu hốt hụi cuối cùng thì bà Trphải giao đủ số tiền hụi cho bà Tđã đóng 14 lần hụi sống = 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hụi, họ, biêu, phường là việc thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Do đó, mỗi lần góp hụi là nghĩa vụ của các thành viên còn lại góp tiền cho

thành viên được hốt hụi. Vì vậy, việc bà Trcho rằng do các hụi viên khác không đóng hụi chết nên bà không có khả năng trả cho bà Tsố tiền như đã hứa mà xin trả lại tiền gốc thực đóng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình bà Trlàm chủ hụi nếu những hụi viên khác không góp hụi thì bà có quyền khởi kiện những người này để yêu cầu thanh toán nợ.

Từ những cơ sở nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tbuộc bà Trphải trả cho bà Tsố tiền hụi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Bà Tkhông yêu cầu tính lãi nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của bà Tđược chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008047 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 42.000.000 đồng x 5% = 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11; Điều 471; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự.

Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị T đối với Bà Trần Thị Tr

Buộc Trần Thị Trang phải trả cho Bà Võ Thị T số tiền hụi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Bà Tkhông yêu cầu tính lãi nên Tòa án không giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Hoàn trả lại cho Bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008047 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trần Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/5/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm